

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa vì mức đo

Câu 1: Dấu hiệu của vỡ gan: CHỌN CÂU SAI

- A. Đau bụng sau chấn thương
 B. Mạch nhanh huyết áp tụt
 C. Niêm nhợt
 D. Bụng chướng ấn đau
☒ E. Siêu âm có thể chẩn đoán chính xác vỡ gan trong hầu hết các trường hợp, không cần chụp cắt lớp vi tính. **CT là phương tiện chẩn đoán quan trọng**

Câu 2: Triệu chứng của viêm ruột thừa cấp. CHỌN CÂU SAI

- A. Đề kháng thành bụng vùng hố chậu phải: ấn nông ở hố chậu phải, thấy cơ bụng mềm, ấn sâu hơn, thấy cơ bụng co lại và bệnh nhân đau
 B. Dấu Rovsing: ấn sâu hố chậu trái, bệnh nhân thấy đau ở hố chậu phải
☒ C. Thường sốt kéo dài trước khi có dấu hiệu đau bụng vùng hố chậu phải
 D. Rối loạn tiêu hóa
 E. Dấu cơ thất lưng chậu: bệnh nhân nằm ngửa, đùi phải co, ta dùng tay ấn duỗi đùi ra thì bệnh nhân đau hơn

Câu 3: Liệt thần kinh chân. CHỌN CÂU SAI

- A. Teo khoang sau cẳng chân ✓
 B. Mất khả năng gấp bàn chân ✓
☒ C. Mất phản xạ gót ✓
 D. Mất cảm giác gan chân ✓
☒ E. Teo cơ mu chân S S

Câu 4: Triệu chứng học của thủng ổ loét dạ dày - tá tràng: CHỌN CÂU SAI

- A. Bệnh nhân nằm im không dám cử động ✓
 B. Bụng gồng, cứng như gỗ ✓
 C. Tiền sử có loét dạ dày, sử dụng thuốc điều trị viêm khớp kéo dài ✓
☒ D. 100% các trường hợp có liềm hơi dưới hoành trên Xquang bụng đứng; **80-90%**
 E. Đau bụng đột ngột và dữ dội vùng thượng vị

Câu 5: Ung thư gan nguyên phát phần lớn bắt nguồn từ tế bào gan (phần còn lại từ tế bào ống mật), có rất nhiều yếu tố nguy cơ. CHỌN CÂU SAI

- ☒ A. Kháng thể chống viêm gan C chiếm tỉ lệ cao hơn 50% trong ung thư gan
☒ B. Kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HbsAg) chiếm tỉ lệ thấp trong ung thư gan
 C. Dioxin có thể gây ung thư gan
 D. Aflatoxin B1 có thể gây ung thư gan
 E. Nói chung, hơn 60% ung thư gan trên nền xơ gan ✓

Câu 6: Hệ thống tĩnh mạch ngoại vi của cơ thể bao gồm

- ☒ A. Các tĩnh mạch nông, tĩnh mạch sâu và tĩnh mạch xuyên
 B. Một tĩnh mạch đi kèm một động mạch
 C. Không có hệ thống tĩnh mạch nông của tĩnh mạch ngoại vi
 D. Hệ thống tĩnh mạch là một mạng lưới chằng chịt
☒ E. Hai tĩnh mạch song hành với động mạch

Câu 7: Dấu hiệu của ung thư đầu tụy: CHỌN CÂU SAI

- A. Đau bụng âm ỉ ✓
 B. Vàng da tăng dần ✓
☒ C. Túi mật teo nhỏ ✓

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chọn một câu trả lời đúng nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

D. Ăn uống kém, sụt cân / ☒ E. Sốt nhẹ (MC cứu ung)

Câu 8: Sờ nắn tuyến vú, CHỌN CÂU SAI

- ☒ A. Khả năng phát hiện ung thư vú qua sờ nắn là dưới 50% (cả 2 đều khó phát hiện ở tuyến vú)
 B. Phải biết mật độ bình thường, rất đặc biệt của mô vú
 C. Thực hiện kỹ thuật Velpau khi thăm khám: lòng bàn tay phẳng, ép nhẹ vào tuyến vú
 D. Đôi khi nên theo sự hướng dẫn của bệnh nhân để dễ tìm ra tổn thương
 E. Khám ở cả hai tư thế: ngồi và nằm

Câu 9: Dấu hiệu lâm sàng của thai ngoài tử cung: CHỌN CÂU SAI

- A. Đau bụng / ☒ B. Sốt cao C. Ra huyết âm đạo / D. Trễ kinh /
 E. Quick stick (+) /

Câu 10: Dấu hiệu của tắc đại tràng: NGOẠI TRỪ

- A. Đau bụng quặn cơn / B. Bụng chướng gõ vang /
☒ C. Nôn ói dữ dội sau khi khởi phát đau D. Bí trung đại tiện /
 E. Nôn ra dịch phân

Câu 11: Một bệnh nhân nam 60 tuổi đến khám vì đi tiêu ra máu đỏ tươi. Bệnh nhân không có triệu chứng gì khác. Khi thăm khám lâm sàng, nên chú ý điều gì nhất:

- A. Hạch thượng đòn phải
 B. Dấu óc ách
☒ C. Khám hậu môn và thăm trực tràng
 D. Đặt sonde mũi dạ dày theo dõi viêm dạ dày xuất huyết
 E. Gan to

Câu 12: Yếu tố nguy cơ của ung thư dạ dày: CHỌN CÂU SAI

- A. Loét dạ dày ✓ B. Nhiễm Helicobacter pylori ✓
☒ C. Thiếu máu ác tính ✓ ☒ D. Dạ dày tăng tiết acid quá mức /
 E. Viêm dạ dày mạn tính ✓ *Tình trạng vô toàn ruột*

Câu 13: Áp-xe vú: CHỌN CÂU SAI

- ☒ A. Thường gặp ở phụ nữ lớn tuổi, có tiền sử mổ u vú /
 B. Triệu chứng điển hình là: sưng, nóng, đỏ, đau và phập phều /
 C. Là tình trạng mưng mủ ở tuyến vú /
☒ D. Thường gặp ở các phụ nữ đang cho con bú
 E. Phương pháp điều trị là rạch thoát mủ /

Câu 14: Điểm Lanz trong chẩn đoán viêm ruột thừa là

- A. Điểm gặp nhau của bờ ngoài cơ thẳng bụng bên phải và đường nối hai gai chậu trước trên → *Chando*
 B. Điểm giữa của đường nối rốn và gai chậu trước trên bên phải
 C. Điểm nối 1/3 ngoài và 2/3 trong của đường nối rốn và gai chậu trước trên bên phải
☒ D. Điểm nối 1/3 phải và 2/3 trái của đường nối hai gai chậu trước trên
 E. Điểm nối 2/3 ngoài và 1/3 trong của đường nối rốn và gai chậu trước trên bên phải

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
V3 (NH 1014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chú ý: chỉ cần ghi đáp án. Không dùng bút chì, bút son và mực đỏ

Câu 15: Dấu hiệu của ung thư thực quản: CHỌN CÂU SAI

- A. Khàn tiếng
- B. Ăn uống kém
- C. Sụt cân
- ☒ D. Nuốt nghẹn với thức ăn lỏng, không nghẹn với thức ăn đặc
- E. Nuốt sặc

Loại r. l. - r. th. r.

Câu 16: Trong khám bụng, điểm Murphy đau trong bệnh

- A. Sỏi niệu quản phải
- B. Vỡ lách
- C. Viêm ruột thừa
- D. Viêm manh tràng
- ☒ E. Viêm túi mật

Câu 17: Cơ chế hình thành sỏi túi mật là do mất cân bằng giữa 3 thành phần:

- A. Bilirubin, muối mật và cholesterol
- B. Bilirubin, lecithin và cholesterol
- C. Cholesterol, lecithin và điện giải
- ☒ D. Lecithin, muối mật và cholesterol
- E. Lecithin, bilirubin và muối mật

Câu 18: Dấu hiệu bụng gồng cứng như gỗ rõ nhất trong bệnh lý nào

- A. Viêm tụy cấp
- ☒ B. Thủng dạ dày
- C. Viêm túi mật
- ☒ D. Viêm phúc mạc ruột thừa
- E. Thủng đại tràng

v. r. = l. r. r.

Câu 19: Dấu hiệu Kehr trong khám bụng gặp trong bệnh lý

- A. Vỡ thận trái
- B. Vỡ gan
- C. Viêm phúc mạc
- ☒ D. Vỡ lách
- E. Tắc ruột

đ. r. l. r. r.

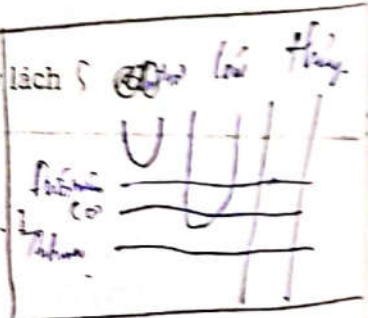
Câu 20: Có mấy điểm niệu quản

- ☒ A. 4
- B. 5
- ☒ C. 3
- D. 2

E. 1

Câu 21: Yếu tố thuận lợi gây viêm loét dạ dày tá tràng. CHỌN CÂU SAI

- A. Stress trong cuộc sống
- B. Rượu và thuốc lá
- C. Thuốc kháng viêm non-steroid
- D. Nhiễm Helicobacter pylori
- ☒ E. Thuốc giảm đau nhóm morphine



Câu 22: Chẩn đoán phân biệt viêm phúc mạc ruột thừa khu trú với các bệnh sau đây. NGOẠI TRỪ

- A. Viêm túi thừa manh tràng thủng
- B. Viêm túi mật hoại tử
- C. Thủng ổ loét hành tá tràng giai đoạn sớm
- D. Thai ngoài tử cung bên phải vỡ
- ☒ E. Viêm loét dạ dày tá tràng cấp

Câu 23: Dây thần kinh giữa chi phối cảm giác. CHỌN CÂU SAI

- A. Mặt gan nửa ngoài ngón nhẫn
- B. Mặt gan các ngón cái, chỏ và giữa
- C. Mặt mu đốt hai, ba ngón chỏ, giữa và nửa ngoài ngón nhẫn
- ☒ D. Nửa trong gan tay
- ☒ E. Nửa ngoài gan tay

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT) -

Chọn một câu trả lời đúng nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 24: Khi có một vết loét dinh dưỡng của chi dưới, chúng ta phải nghĩ đến

- ☒ A. Biến chứng của suy tĩnh mạch
B. Vết thương cũ tái phát
C. Chàm cơ địa
D. Do ti đề
E. Biến chứng viêm tắc động mạch

Câu 25: Nhiễm trùng đường mật do sỏi ống mật chủ: **CHỌN CÂU SAI**

- A. Túi mật căng to
B. Nếu bị shock nhiễm trùng, ngoài tam chứng Charcot còn có dấu hiệu tụt huyết áp và rối loạn tri giác
C. Đề kháng hạ sườn phải
D. Tiền sử có thể ghi nhận vàng da nhiều đợt tự hết
☒ E. Luôn luôn có tam chứng Charcot điển hình

Câu 26: Cận lâm sàng gì giúp chẩn đoán bệnh viêm ruột thừa: **CHỌN CÂU SAI**

- A. Chụp điện toán cắt lớp ổ bụng
☒ B. X-quang bụng đứng
C. Công thức máu
D. Siêu âm bụng
E. CRP

Câu 27: Cận lâm sàng tốt nhất để chẩn đoán xác định ung thư dạ dày là

- ☒ A. X-quang dạ dày cản quang
☒ B. Nội soi dạ dày
☒ C. CEA
D. Chụp cắt lớp vi tính
E. Siêu âm bụng

Câu 28: Thoát vị bịt nghẹt: **CHỌN CÂU SAI**

- A. Tỷ lệ tử vong cao nhất trong các loại thoát vị thành bụng
B. Có dấu hiệu tắc ruột non
☒ C. Thường gặp ở bệnh nhân béo phì
D. Dấu hiệu Howship Romberg
E. Thường gặp ở phụ nữ, lớn tuổi

Câu 29: Các dấu hiệu nào biểu hiện có tăng áp lực trong sọ cấp tính

- A. Liệt dây VI
☒ B. Có khoảng tỉnh, có phản xạ Cushing
☒ C. Đau đầu, ói, phù gai thị
D. Tăng nhiệt độ ($>39^{\circ}\text{C}$) sau chấn thương

Câu 30: Khám tri giác trong chấn thương sọ não, **CHỌN CÂU SAI**

- ☒ A. Khó đánh giá khi bệnh nhân say rượu, hay mới dùng thuốc an thần
B. Gồm có 3 thành phần: sự mờ mắt, vận động và lời nói
C. Có thể sử dụng để đánh giá nhiều lần khi theo dõi bệnh nhân
D. Điểm Glasgow dưới 8 điểm thường là tiên lượng xấu
☒ E. Không dùng thang điểm Glasgow cho người trên 60 tuổi

Câu 31: Khám vùng đầu mặt cổ

- ☒ A. Nhìn và sờ cho nhiều dữ kiện nhất trong việc thăm khám
B. Không cần phải theo thứ tự rõ ràng

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="radio"/> A	<input type="radio"/> B	<input type="radio"/> C	<input type="radio"/> D	<input type="radio"/> E
------------------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

Bỏ A, chọn D →

<input type="radio"/> A	<input type="radio"/> B	<input type="radio"/> C	<input checked="" type="radio"/> D	<input type="radio"/> E
-------------------------	-------------------------	-------------------------	------------------------------------	-------------------------

(chỉ được chọn tối đa 2 lần)

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và nước tẩy.

- C. Hồi bệnh sử không cần quá chi tiết
- D. Quan trọng nhất là nghe âm thổi
- E. Khi khám chỉ cần dùng tay không cần dùng phương tiện hỗ trợ nào

Câu 32: Cận lâm sàng để chẩn đoán xác định ung thư đại tràng là

- A. Chụp đại tràng đối quang kép
- B. Siêu âm bụng
- C. Chụp đại tràng với baryt
- D. Chụp cắt lớp vi tính
- ☒ E. Nội soi đại tràng

Câu 33: Thoát vị bẹn gián tiếp. CHỌN CÂU SAI

- A. Khối thoát vị nằm ở hố bẹn ngoài ✓
- ☒ B. Tạng thoát vị thường là bàng quang S
- C. Luôn có sự tồn tại ống phúc tinh mạc ✓
- D. Thường xảy ra ở người trẻ tuổi ✓
- E. Khối thoát vị đi xuống bẹn ✓

Câu 34: Chẩn đoán thoát vị bẹn đùi thường dựa vào

- A. Chụp cản quang phúc mạc
- ☒ B. Khám lâm sàng
- C. Chụp cắt lớp vi tính
- D. Siêu âm bụng
- E. Chụp cộng hưởng từ

Câu 35: Các điều kiện khi khám vú. CHỌN CÂU SAI

- A. Phải so sánh cả hai bên vú khi khám ✓
- ☒ B. Chỉ cần bộc lộ vú cần khám
- C. Đầy đủ ánh sáng ✓
- D. Phải kết hợp khám tổng quát
- E. Phải chú ý khám hạch nhất là hạch nách ✓

Câu 36: Dấu hiệu của viêm túi mật cấp do sỏi trên siêu âm. CHỌN CÂU SAI

- A. Phù nề ngấm dịch quanh túi mật ✓
- B. Vách túi mật dày ✓
- ☒ C. Túi mật teo mất
- D. Sỏi vùng phễu
- E. Dấu Murphy đầu dò siêu âm

Câu 37: Phương pháp sinh thiết nào sau đây thường dùng cho hạch cổ

- ☒ A. Sinh thiết một phần
 - B. Sinh thiết bằng kim khoan
 - C. Sinh thiết bằng kim bấm
 - ☒ D. Sinh thiết trọn
 - E. Sinh thiết qua ngà nội soi
- hạch ở bẹn → sinh thiết tru.*

Câu 38: Bệnh nhân nam, 28 tuổi, bị chấn thương bụng do tai nạn giao thông 3 ngày trước đó. Thăm khám thấy có xây xước da vùng hạ sườn trái, bụng mềm chướng nhẹ, siêu âm bụng thấy có dịch ổ bụng lượng vừa. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là

- A. Gan hạ phân thùy VI-VII
- B. Ruột non
- C. Đại tràng góc lách
- ☒ D. Lách
- E. Dạ dày

Câu 39: Trong xử trí lồng ruột ở người lớn: CHỌN CÂU SAI

- ☒ A. Nếu lồng ruột gây tắc ruột hoàn toàn thì nên thủ thuật lồng
 - B. Nếu lồng ruột được tháo khi chụp đại tràng bằng thực baryt thì nên nội soi đại tràng để xác định nguyên nhân
 - C. Lồng ở ruột già nên cắt bỏ đoạn ruột mà không tháo lồng vì nguy cơ ác tính cao
- không tháo ruột*

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và nước tẩy

D. Có thể thủ tháo lồng nếu là ở ruột non

E. Nên mổ mà không tháo lồng vì đa số trường hợp lồng ruột do bệnh lý cơ sẵn ở ruột

Câu 40: Dấu hiệu lâm sàng của viêm túi mật cấp giai đoạn sớm: **CHỌN CÂU SAI**

A. Đau hạ sườn phải ✓

B. Sốt ✓

☒ C. Nôn ói

☒ D. Vàng da tăng dần ✓

E. Nghiệm pháp Murphy dương tính ✓

Câu 41: Nguyên nhân của viêm phúc mạc nguyên phát:

☒ A. Nhiễm trùng dịch báng trên bệnh nhân xơ gan ✓

B. Thủng túi mật ✓

C. Thủng hồi tràng ✓

D. Thủng ruột thừa ✓

E. Thủng khối u đại tràng ✓

Câu 42: Dấu hiệu lâm sàng của ung thư hang vị là: **CHỌN CÂU SAI**

A. Ăn uống kém ✓

B. Ói ra máu ✓

C. Đau thượng vị ✓

☒ D. Nuốt nghẹn ✓

E. Khối u thượng vị ✓

Câu 43: Cận lâm sàng giúp chẩn đoán xác định u bóng Vater

A. Siêu âm ✓

☒ B. Chụp cắt lớp vi tính ✓

☒ C. Chụp mật tụy ngược dòng ✓

D. CEA ✓

E. CA19-9 ✓

Câu 44: Bệnh nhân nam, 25 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chứng xuất huyết trong ổ bụng và xây xát da vùng hạ sườn phải. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là

A. Ruột ✓

B. Lách ✓

C. Thận ✓

D. Tụy ✓

☒ E. Gan ✓

Câu 45: Chẩn đoán định tuyệt đối của tháo lồng ở trẻ em

☒ A. Viêm phúc mạc, tắc ruột nhiều trên X quang bụng đứng, bệnh nhân quá yếu, sốc ✓

B. Sờ được búi giun, bệnh nhân quá yếu, bệnh kéo dài quá 72 giờ, sốc ✓

C. Bụng chướng căng, đau bụng dữ dội, bóng trực tràng rỗng ✓

D. Đi cầu máu, không xì hơi được, tắc ruột nhiều trên X quang bụng ✓

E. Bệnh nhân la khóc, dấu mất nước rõ, thóp phồng, sốt ✓

Câu 46: Cận lâm sàng giúp chẩn đoán chính xác sỏi ống mật chủ đoạn cuối:

☒ A. Chụp đường mật xuyên gan qua da ✓

B. Phosphatase kiềm ✓

C. Siêu âm bụng ✓

☒ D. Chụp cắt lớp vi tính ✓

E. Bilirubin máu ✓

Câu 47: Dấu hiệu của hẹp môn vị: **CHỌN CÂU SAI**

☒ A. Bụng chướng đều, gõ vang ✓

B. Nôn ói sau ăn ra thức ăn cũ ✓

C. Dấu Boerhaave ✓

D. Dấu óc ách ✓

☒ E. Nôn ói sau ăn ra thức ăn mới ăn ✓

Câu 48: Khám bệnh nhân chấn thương sọ não

A. Lưu ý đèn khám mạch, huyết áp ✓

Cách chọn: chọn A →

☒ A ☐ B ☐ C ☐ D ☐ E

(chỉ được chọn tối đa 2 lần)

Bỏ A, chọn D →

☐ A ☒ B ☐ C ☐ D ☐ E

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- B. Rất quan tâm đến tình trạng hô hấp ✓
☒ C. Phải khám toàn diện
D. Đặc biệt lưu ý đến khám cột sống và bụng
☒ E. Chỉ khám thần kinh

Câu 49: Sinh lý bệnh của hẹp môn vị: CHỌN CÂU SAI

- A. Rối loạn dinh dưỡng ✓ ☒ B. Hoại tử ống thận C. Mất điện giải ✓
D. Kiềm chuyển hóa ✓ E. Mất nước ✓

Câu 50: Yếu tố thuận lợi của sỏi túi mật: CHỌN CÂU SAI

- A. Tuổi thường gặp từ 40 - 60
☒ B. Nam giới gặp nhiều gấp đôi so với nữ giới ✓
C. Đời sống kinh tế cao ✓
D. Sinh đẻ nhiều ✓
E. Béo phì ✓

Câu 51: Khám vú thường chú ý khám hạch ở vị trí nào:

- A. Trên đòn trái B. Cổ C. Dưới hàm D. Bẹn ☒ E. Nách

Câu 52: Đau bụng trong viêm ruột thừa cấp: CHỌN CÂU SAI

- A. Đau âm ỉ kèm chán ăn, buồn nôn ✓
☒ B. Đau quặn cơn dữ dội, trong cơn đau bệnh nhân ôm bụng lăn lộn cảm giác bớt đau
C. Kèm sốt nhẹ, tiêu lỏng ✓
D. Đau khởi đầu ở hố chậu phải ✓
E. Khởi đầu đau ở thượng vị hay quanh rốn, rồi lan xuống hố chậu phải ✓

Câu 53: X quang vú

- ☒ A. Có vai trò phụ giúp chẩn đoán các u vú có kích thước nhỏ ✓
B. Xê rô nhũ ký cho ít chi tiết hơn X quang ✓
☒ C. Không có hình ảnh giả trên phim
D. Không hữu ích cho sinh thiết ✓
☒ E. Là xét nghiệm hình ảnh giúp chẩn đoán xác định ung thư vú ✓

Câu 54: Triệu chứng tắc ruột cao: CHỌN CÂU SAI

- ☒ A. Bí trung và đại tiện là triệu chứng luôn luôn có
B. Bụng chướng, gõ vang ✓
C. Nôn ói sớm và nhiều ✓
D. Đau bụng quặn từng cơn, về sau khoảng cách các cơn đau ngắn lại và thời gian của cơn đau dài ra ✓
☒ E. Dấu hiệu rắn bò là triệu chứng thực thể quan trọng nhất ✓

Câu 55: Bệnh nhân nam, 30 tuổi, vào viện vì đau bụng dưới sườn phải 3 ngày, sốt 39°C. Khám thấy vàng mắt, ấn đau dưới sườn phải vừa, không đề kháng. Cận lâm sàng nào nên làm đầu tiên để chẩn đoán bệnh:

- A. X-quang bụng ☒ B. ERCP ☒ C. Amylase D. CTscan bụng

ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1
Y3 (NH 2014-2015) NGÀY 18/04/2015 (40 PHÚT)

Chẩn đoán lâm sàng và điều trị: Không dùng bút chì, bút xóa và nước tẩy

~~X~~ E. Siêu âm bụng

Câu 56: Khám chân thương sọ não nhằm

A. Xem có lún sọ không

~~X~~ B. Tìm các dấu hiệu cho biết có thương tổn thần kinh

~~X~~ C. Trả lời câu có phải mô cấp cứu vì chấn thương sọ não hay không

D. Theo dõi tình trạng bệnh nhân

E. Đánh giá mức độ nặng/ nhẹ sau chấn thương

Câu 57: Triệu chứng X-quang của tắc đại tràng: CHỌN CÂU SAI

~~X~~ A. Nếp niêm mạc nằm sát nhau, rất dày

B. Mức nước hơi nằm ở 2 bên bụng ✓

C. Mức nước hơi có vòm cao ✓

D. Nếp niêm mạc chiếm một phần của lòng ruột ✓

E. Mức nước hơi có chân hẹp ✓

Câu 58: Ưu điểm của chụp cắt lớp vi tính so với X-quang đại tràng bằng thực tháo baryt hoặc bơm hơi trong lòng ruột:

A. Giúp tháo lồng mà không cần mổ

~~X~~ B. Chẩn đoán được khả năng tổn thương máu nuôi đoạn ruột bị lồng

~~X~~ C. Có khả năng chẩn đoán nguyên nhân của lồng ruột

D. Chẩn đoán xác định lồng ruột

E. Giúp phân biệt lồng ruột với những nguyên nhân tắc ruột khác

Câu 59: Mật vùng đục trước gan khi có

A. Dịch trong khoang phúc mạc

B. Hẹp môn vị

~~X~~ C. Thủng tạng rỗng

D. Tắc ruột

E. Áp-xe gan

Câu 60: Các nguyên nhân của viêm phúc mạc: CHỌN CÂU SAI

A. Thủng dạ dày ✓

B. Viêm ruột thừa hoại tử ✓

C. Hoại tử ruột non ✓

D. Viêm túi mật hoại tử ✓

~~X~~ E. Viêm ruột